

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82,
Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 317/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Đỗ Phương M, sinh năm 1985; Địa chỉ: đường L, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ nơi làm việc: Số R Đường số Y, Khu dân cư H, phường T, Quận L, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Đình Hải, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số K đường số N, khu nhà ở P, Tổ O, Ấp W, xã P, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2010 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số ABC, quyển số XYZ đăng ký ngày XX/YY/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và đã ly thân. Mặc dù ông bà đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả.

Ông H và bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M có 02 (Hai) con chung là trẻ Trần Ngọc Hải L (Nữ), sinh ngày 28/8/2011 và Trần Ngọc Hải A (Nữ), sinh ngày 12/12/2016. Sau khi ly hôn cả hai thỏa thuận giao cả 02 (Hai) trẻ cho bà M là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M xác nhận không có nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số ABC, quyền số XYZ đăng ký ngày XX/YY/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M có 02 (Hai) con chung là trẻ Trần Ngọc Hải L (Nữ), sinh ngày 28/8/2011 và Trần Ngọc Hải A (Nữ), sinh ngày 12/12/2016. Sau khi ly hôn, giao 02 (Hai) trẻ Trần Ngọc Hải L và Trần Ngọc Hải A cho bà Đỗ Phương M là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Đình H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

1.4. Về nợ chung: Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M xác nhận không có nên Tòa án ghi nhận.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Đình H và bà Đỗ Phương M chịu lệ phí sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0042721 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk.Trang).

THẨM PHÁN

Lê Phương Thảo